

*

Số 381 -HD/HVCTQG

Hà Nội, ngày 06 tháng 9 năm 2021

HƯỚNG DẪN

Quy trình công nhận trường chính trị chuẩn và cụ thể hóa một số nội dung của Quy định số 11-QĐ/TW ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư về trường chính trị chuẩn

Căn cứ Quyết định số 145-QĐ/TW ngày 08/8/2018 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; căn cứ Quy định số 09-QĐi/TW ngày 13/11/2018 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; căn cứ Quy định số 11-QĐ/TW ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư về trường chính trị chuẩn (Quy định số 11-QĐ/TW), Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh hướng dẫn trình tự, thủ tục, hồ sơ thẩm định, công nhận trường chính trị đạt chuẩn và cụ thể hóa một số tiêu chí của Quy định số 11-QĐ/TW như sau:

I. QUY TRÌNH CÔNG NHẬN TRƯỜNG CHÍNH TRỊ CHUẨN

1. Tự đánh giá trường chính trị đạt chuẩn

1.1. Xây dựng kế hoạch tự đánh giá trường chính trị đạt chuẩn

Trường chính trị xây dựng kế hoạch tự đánh giá mức độ đạt chuẩn, trong đó xác định rõ mục đích, yêu cầu, nội dung công việc cần triển khai, các nguồn lực thực hiện, thời gian, tiến độ hoàn thành, phân công nhiệm vụ cho các tập thể, cá nhân.

1.2. Thành lập Hội đồng tự đánh giá trường chính trị đạt chuẩn

- Hiệu trưởng quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá trường chính trị đạt chuẩn (gọi là Hội đồng tự đánh giá).

- Thành phần Hội đồng gồm: các đồng chí trong ban giám hiệu, các trưởng khoa, phòng, đại diện Công đoàn, Đoàn thanh niên nhà trường.

- Hội đồng có nhiệm vụ, quyền hạn:

+ Tư vấn cho hiệu trưởng về trường chính trị chuẩn.

+ Kiểm tra thực tế tại trường.

+ Đánh giá mức đạt chuẩn theo từng tiêu chí.

- Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số. Trường hợp số ý kiến bằng nhau thì quyết định theo ý kiến của Chủ tịch Hội đồng.

- Hội đồng tổ chức đánh giá từng tiêu chí trường chính trị chuẩn theo biểu mẫu do Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh quy định (tự đánh giá trường chính trị chuẩn mức 1 theo biểu số 1, tự đánh giá trường chính trị mức 2 theo biểu số 2). Các kết quả đánh giá chi tiết của từng tiêu chí phải có minh chứng rõ ràng.

- Hội đồng ban hành kết luận về kết quả đánh giá mức độ đạt chuẩn của trường.

1.3. Thành lập Tổ giúp việc Hội đồng tự đánh giá trường chính trị đạt chuẩn

- Hiệu trưởng quyết định thành lập Tổ giúp việc Hội đồng tự đánh giá trường chính trị đạt chuẩn.

- Nhiệm vụ của Tổ giúp việc:

+ Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng chuẩn hoá hoạt động của trường chính trị theo quy định.

+ Xây dựng báo cáo tự đánh giá trường chính trị đạt chuẩn. Kết quả đánh giá chi tiết của từng tiêu chí trường chính trị chuẩn: danh mục quy chế, quy định; thống kê số liệu: đội ngũ cán bộ, viên chức, hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, hoạt động nghiên cứu khoa học; số liệu về kết quả xây dựng văn hoá trường Đảng, thực hiện kỷ luật, kỷ cương; số liệu về cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật, tài chính.

+ Hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận trường chính trị đạt chuẩn.

2. Hội đồng đánh giá trường chính trị đạt chuẩn của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Thường trực tỉnh uỷ (thành uỷ) thành lập Hội đồng đánh giá trường chính trị đạt chuẩn của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi là Hội đồng đánh giá cấp tỉnh).

- Thành phần Hội đồng gồm:

+ Thường trực Tỉnh uỷ (Thành uỷ) - Chủ tịch Hội đồng;

+ Đại diện lãnh đạo Văn phòng tỉnh uỷ (thành uỷ) - Uỷ viên thư ký;

+ Đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân, Ban Tổ chức tỉnh uỷ (thành uỷ), Ban Tuyên giáo tỉnh uỷ (thành uỷ), Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, hiệu trưởng trường chính trị - Uỷ viên.

- Hội đồng có nhiệm vụ, quyền hạn:

+ Tư vấn cho Thường trực tỉnh uỷ (thành uỷ) về trường chính trị chuẩn.

- + Rà soát, kiểm tra hồ sơ, minh chứng.
- + Kiểm tra thực tế tại trường.
- + Đánh giá mức đạt chuẩn theo từng tiêu chí.
- Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số. Trường hợp số ý kiến bằng nhau thì quyết định theo ý kiến của Chủ tịch Hội đồng.
- Hội đồng cấp tỉnh tổ chức đánh giá từng tiêu chí trường chính trị chuẩn theo biểu mẫu do Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh quy định (tự đánh giá trường chính trị chuẩn mức 1 theo biểu số 1, tự đánh giá trường chính trị mức 2 theo biểu số 2). Các kết quả đánh giá chi tiết của từng tiêu chí phải có minh chứng rõ ràng.
- Hội đồng ban hành kết luận về kết quả đánh giá mức độ đạt chuẩn của trường.

3. Xét công nhận trường chính trị đạt chuẩn

3.1. Tiếp nhận hồ sơ đề nghị công nhận trường chính trị đạt chuẩn

- Hồ sơ đề nghị công nhận trường chính trị đạt chuẩn gồm:
 - + Tờ trình đề nghị Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh xét công nhận trường chính trị chuẩn của Thường trực tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương.
 - + Báo cáo tự đánh giá mức độ đạt chuẩn của trường, có xác nhận của Thường trực tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương. Kết quả đánh giá chi tiết của từng tiêu chí trường chính trị chuẩn: danh mục quy chế, quy định; thống kê số liệu: đội ngũ cán bộ, viên chức, hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, hoạt động nghiên cứu khoa học; số liệu về kết quả xây dựng văn hoá trường Đảng, thực hiện kỷ luật, kỷ cương; số liệu về cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật, tài chính (phụ lục 1).
 - + Quyết định phê duyệt Đề án hoặc Kế hoạch xây dựng trường chính trị chuẩn.
 - + Quyết định thành lập Tổ giúp việc Hội đồng tự đánh giá trường chính trị đạt chuẩn.
 - + Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá và Hội đồng đánh giá cấp tỉnh.
 - + Biên bản họp Hội đồng tự đánh giá và Hội đồng đánh giá cấp tỉnh.
 - + Kết luận của Hội đồng tự đánh giá và Hội đồng đánh giá cấp tỉnh.
- Hồ sơ đề nghị công nhận trường chính trị đạt chuẩn gửi về Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (qua Vụ Các trường chính trị).
- Trong thời hạn 7 ngày (tính theo dấu bưu điện) kể từ ngày Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh nhận Hồ sơ đề nghị công nhận trường chính trị đạt chuẩn, Vụ Các trường chính trị hoàn thành kiểm tra, rà soát hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để tổ chức thẩm định, Vụ Các trường chính trị trình Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định trường chính trị đạt chuẩn.

+ Trường hợp Hồ sơ không đủ điều kiện để thẩm định, Vụ Các trường chính trị báo cáo và Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh có văn bản đề nghị trường chính trị hoàn thiện hồ sơ.

3.2. Hội đồng thẩm định trường chính trị đạt chuẩn

3.2.1. Thành lập Hội đồng

- Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh quyết định thành lập Hội đồng thẩm định trường chính trị đạt chuẩn (gọi là Hội đồng thẩm định).

- Thành phần Hội đồng gồm:

+ Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Chủ tịch Hội đồng;

+ 01 Phó Giám đốc Học viện - Phó Chủ tịch Hội đồng;

+ Đại diện lãnh đạo Ban Tổ chức Trung ương - Ủy viên;

+ Đại diện lãnh đạo Ban Tuyên giáo Trung ương - Ủy viên;

+ Đại diện lãnh đạo Bộ Nội vụ - Ủy viên;

+ Vụ trưởng Vụ Các trường chính trị, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Ủy viên thường trực;

+ Vụ trưởng Vụ Tổ chức - Cán bộ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Ủy viên;

+ Vụ trưởng Vụ Quản lý khoa học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Ủy viên;

+ Vụ trưởng Vụ Quản lý đào tạo, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Ủy viên;

+ Chánh Thanh tra Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Ủy viên.

3.2.2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng

- Thẩm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế tại trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đề nghị xét công nhận đạt chuẩn.

- Báo cáo kết quả thẩm định với Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

- Hội đồng được sử dụng con dấu của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

3.2.3. Tổ giúp việc của Hội đồng

Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh quyết định thành lập Tổ giúp việc của Hội đồng thẩm định gồm 01 đồng chí Phó Vụ trưởng Vụ Các trường chính trị làm Tổ trưởng và một số chuyên viên của Vụ Các trường chính trị (Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh). Tổ giúp việc thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng phân công.

3.2.4. Thời hạn thẩm định

Thời hạn thẩm định là 30 ngày kể từ ngày ký Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định.

3.3. Quyết định công nhận trường chính trị chuẩn

- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Hội đồng thẩm định báo cáo kết quả thẩm định, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh ban hành Quyết định công nhận trường chính trị chuẩn.

- Trường hợp Hội đồng thẩm định kết luận trường không đạt chuẩn, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh có văn bản trả lời địa phương đề nghị.

3.4. Công bố trường chính trị chuẩn

- Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh phối hợp với Thường trực Tỉnh uỷ (Thành uỷ) tổ chức công bố Quyết định trường chính trị chuẩn.

- Lễ công bố Quyết định công nhận và trao Bằng công nhận trường chính trị đạt chuẩn được tổ chức trang trọng nhằm tôn vinh thành tích xây dựng trường chính trị chuẩn của tỉnh uỷ, thành uỷ và trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; đồng thời phục vụ tuyên truyền, cổ động, phổ biến kinh nghiệm công tác xây dựng trường chính trị chuẩn trên cả nước.

4. Thu hồi quyết định công nhận trường chính trị chuẩn

Qua rà soát hằng năm, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh xem xét, thống nhất với Thường trực tỉnh uỷ (thành uỷ) thu hồi Quyết định và Bằng công nhận trường chính trị chuẩn đối với những trường không duy trì được các chỉ tiêu đạt chuẩn.

II. CỤ THỂ HÓA MỘT SỐ NỘI DUNG CỦA QUY ĐỊNH SỐ 11-QĐ/TW

1. Tiêu chí: “Lãnh đạo khoa chỉ đạo, đề xuất thành công ít nhất 03 đề tài khoa học cấp trường trở lên” (Điểm c, khoản 3, Điều 7)

Trong 5 năm, lãnh đạo của mỗi khoa (trưởng khoa hoặc phó trưởng khoa) chỉ đạo, đề xuất và thực hiện thành công ít nhất 03 đề tài khoa học cấp trường trở lên.

2. Tiêu chí: “Thực hiện đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng về chương trình, học viên, giảng viên, cơ sở vật chất, khóa bồi dưỡng, hiệu quả sau

đào tạo, bồi dưỡng. Kết quả đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đạt từ mức khá trở lên” (Khoản 4, Điều 8)

Việc đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ và Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng tại các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Tiêu chí: “Mỗi năm thực hiện ít nhất 3 đề tài khoa học cấp trường, 5 năm thực hiện được ít nhất 3 đề tài khoa học cấp tỉnh hoặc tương đương trở lên, được nghiệm thu ở mức đạt trở lên” (Khoản 1, Điều 9)

Các nhiệm vụ được tính tương đương đề tài khoa học cấp tỉnh là: Đề án, dự án, nhiệm vụ tổng kết thực tiễn do trường tham mưu trình Thường trực tỉnh ủy, thành ủy, ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt; đề án, dự án, các nhiệm vụ khoa học, tổng kết thực tiễn do Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh và các bộ, ngành giao cho trường chính trị thực hiện có kết quả ở mức đạt trở lên (trừ hội thảo, tọa đàm khoa học).

4. Tiêu chí: “Mỗi năm tổ chức ít nhất 3 cuộc hội thảo khoa học hoặc tọa đàm khoa học cấp trường, 5 năm tổ chức được ít nhất 3 cuộc hội thảo khoa học hoặc tọa đàm khoa học cấp tỉnh hoặc tương đương trở lên” (Khoản 2, Điều 9)

- Trường chính trị cấp tỉnh chủ trì hoặc tham mưu cho tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương tổ chức hội thảo, tọa đàm khoa học, diễn đàn khoa học cấp nào thì được tính tương đương hội thảo khoa học, tọa đàm khoa học cấp đó.

- Trường chính trị chủ trì đăng cai tổ chức hội thảo, tọa đàm khoa học của Cụm thi đua được tính tương đương tổ chức hội thảo, tọa đàm khoa học cấp tỉnh.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư (để báo cáo),
- Thường trực Đảng ủy, Ban Giám đốc Học viện (để chỉ đạo),
- Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Nội vụ (để phối hợp chỉ đạo),
- Thường trực tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương (để phối hợp chỉ đạo),
- Ban Giám hiệu các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (để thực hiện),
- Lưu: VT, Vụ CTCT.



Nguyễn Xuân Thắng

Phụ lục 1

Mẫu Báo cáo tự đánh giá mức độ đạt chuẩn của trường chính trị
(ban hành kèm theo Hướng dẫn số 381 -HD/HVCTQG ngày 06 tháng 9 năm 2021
của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh)

TỈNH ỦY/THÀNH ỦY.....
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ.....

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*
Số -BC/....., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO

tự đánh giá trường chính trị đạt chuẩn mức.....

Căn cứ Quy định số 11-QĐ/TW ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khoá XIII) về trường chính trị chuẩn;

Căn cứ Đề án (hoặc Kế hoạch) số..... ngày..... của Tỉnh uỷ (Thành uỷ) về.....;

Căn cứ Kế hoạch số..... ngày..... của Trường Chính trị..... về tự đánh giá trường chính trị đạt chuẩn,

Trường Chính trị báo cáo tự đánh giá mức độ đạt chuẩn như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH CỦA TRƯỜNG

1. Khái quát chung
2. Về thuận lợi
3. Về khó khăn

II. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ TRƯỜNG CHÍNH TRỊ CHUẨN

1. Về thể chế, quy định

Kết quả trong xây dựng thể chế, quy định, cụ thể hóa văn bản của Trung ương, địa phương bảo đảm tính hệ thống, đồng bộ, kịp thời, khả thi, không trái với văn bản của cấp trên và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Về đội ngũ cán bộ, viên chức

Nêu các số liệu chủ yếu, đánh giá khái quát về đội ngũ cán bộ, viên chức của trường, lãnh đạo trường, trưởng khoa, phó trưởng khoa, trưởng phòng, phó trưởng phòng và đội ngũ giảng viên (bao gồm cả giảng viên cơ hữu và giảng viên kiêm nhiệm).

3. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng

Nêu các số liệu chủ yếu, đánh giá khái quát về thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng; về tỷ lệ lớp Trung cấp Lý luận chính trị hệ tập trung và không tập trung; về thực hiện quy chế quản lý đào tạo, bồi dưỡng và các quyết định khác về đào tạo bồi dưỡng; về kết quả đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng...

4. Hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn

Nêu các số liệu chủ yếu, đánh giá khái quát về công tác nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn; về thực hiện nghiên cứu đề tài khoa học cấp trường, cấp tỉnh trở lên; hội thảo, tọa đàm cấp trường, cấp tỉnh trở lên; việc chuyển giao kết

quả nghiên cứu, việc báo cáo kiến nghị từ kết quả nghiên cứu đề tài cấp tỉnh trở lên; việc thực hiện xuất bản sách, bản tin; xây dựng và cập nhật trang thông tin điện tử của trường...

5. Xây dựng văn hóa trường đảng, thực hiện kỷ luật, kỷ cương

Nêu các số liệu chủ yếu, đánh giá khái quát về xây dựng tiêu chí văn hoá ứng xử; việc tập thể, cá nhân tiêu biểu xuất sắc được khen thưởng cấp tỉnh và tương đương trong thực hiện văn hóa công sở, văn hóa trường Đảng; việc tham gia phong trào thi đua, xây dựng mô hình điển hình tiên tiến trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn; việc thực hiện tốt học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh; về kết quả thực hiện nhiệm vụ của tổ chức đảng, đoàn thể, tập thể nhà trường; việc thực hiện quy chế dân chủ...

6. Cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật và tài chính

Nêu các số liệu chủ yếu, đánh giá khái quát về cơ sở vật chất kỹ thuật, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ học tập, bảo đảm chất lượng giảng dạy; diện tích sử dụng của các công trình; việc thực hiện công tác tài chính.....

[Báo cáo có kèm theo biểu số 1 (nếu đánh giá chuẩn mức 1) hoặc biểu số 2 (nếu đánh giá chuẩn mức 2)]

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Nơi nhận:

.....,
- Lưu:.....

HIỆU TRƯỞNG

XÁC NHẬN CỦA THƯỜNG TRỰC TỈNH ỦY/THÀNH ỦY.....

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

T/M BAN THƯỜNG VỤ

Biểu số 1

Mẫu kết quả đánh giá các tiêu chí trường chính trị chuẩn mức 1

(ban hành kèm theo Hướng dẫn số 384 -HD/HVCTQG ngày 06 tháng 9 năm 2021

của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh)

TỈNH ỦY/THÀNH ỦY

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ.....

*

....., ngày ... tháng ... năm ...

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CÁC TIÊU CHÍ TRƯỜNG CHÍNH TRỊ CHUẨN MỨC 1

TT	Chỉ tiêu cụ thể	Đánh giá đạt chuẩn	Số liệu cụ thể	Các minh chứng kèm theo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	Thể chế, quy định (Điều 6, Quy định 11-QĐ/TW)			
1	Có đầy đủ các quy chế, quy định cụ thể hóa văn bản của Trung ương, địa phương bảo đảm tính hệ thống, đồng bộ, kịp thời, khả thi, không trái với văn bản của cấp trên và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.		Danh mục tên quy định, quy chế...	Bản sao các quy chế, quy định do nhà trường ban hành.
II	Đội ngũ cán bộ, viên chức (Điều 7, Quy định 11-QĐ/TW)			
1	Đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện đối với chức danh nghề nghiệp, vị trí việc làm theo quy định của Đảng và Nhà nước.		- Số biên chế được quy định - Số liệu biên chế thực tế (chi tiết đến từng khoa, phòng)	- Văn bản quy định của cấp có thẩm quyền về chỉ tiêu biên chế của trường. - Danh sách cán bộ của trường có trích ngang thông tin về chức vụ, chức danh công tác, ngạch viên chức, trình độ lý luận chính trị, trình độ chuyên môn, chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm hoặc chứng chỉ phương pháp dạy học tích cực, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức kinh điển.
2	Lãnh đạo trường			
2.1	Trình độ chuyên môn từ thạc sĩ trở lên về khoa học chính trị, khoa học quản lý hoặc khoa học xã hội và nhân văn. Hiệu trưởng hoặc phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn có trình độ tiến sĩ về khoa học chính trị, khoa học quản lý hoặc khoa học xã hội và nhân văn.		Số liệu thống kê	- Bảng kê danh sách họ tên, ngạch, trình độ chuyên môn, trình độ lý luận chính trị, các văn bằng, chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm hoặc chứng chỉ phương pháp dạy học tích cực, chứng

TT	Chi tiêu cụ thể (2)	Đánh giá đạt chuẩn (3)	Số liệu cụ thể (4)	Các minh chứng kèm theo (5)
1	Trình độ Cao cấp Lý luận chính trị (hoặc tương đương).		Số liệu thống kê	Chỉ bồi dưỡng kiến thức kinh điển.
2.2	Giữ ngạch giảng viên chính (viên chức hạng II) hoặc tương đương trở lên.		Số liệu thống kê	- Bản sao các văn bằng tốt nghiệp, chứng chỉ có chứng thực. - Quyết định nâng ngạch, bậc.
2.3	Có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm hoặc phương pháp dạy học tích cực hoặc bằng tốt nghiệp đại học sư phạm.		Số liệu thống kê	
2.4	Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức kinh điển Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.		Số liệu thống kê	
2.5	Người đứng đầu được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong 05 năm liên tục. Có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực quản lý và kinh nghiệm hoạt động thực tiễn.		Số liệu thống kê	Quyết định đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ, xếp loại đảng viên hàng năm trong 05 năm liên tục của người đứng đầu.
3	Trưởng khoa, phó trưởng khoa			
3.1	Có trình độ chuyên môn từ thạc sĩ trở lên về khoa học chính trị, khoa học quản lý hoặc khoa học xã hội và nhân văn.		Số liệu thống kê	- Bảng kê danh sách họ tên, ngạch, trình độ chuyên môn, trình độ lý luận chính trị, các văn bằng, chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm hoặc chứng chỉ phương pháp dạy học tích cực, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức kinh điển.
3.2	Trình độ Cao cấp Lý luận chính trị (hoặc tương đương).		Số liệu thống kê	- Bản sao các văn bằng tốt nghiệp, chứng chỉ có chứng thực. - Quyết định nâng ngạch, bậc.
3.3	Giữ ngạch giảng viên chính (viên chức hạng II) hoặc tương đương trở lên.		Số liệu thống kê	
3.4	Có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm hoặc phương pháp dạy học tích cực hoặc bằng tốt nghiệp đại học sư phạm.		Số liệu thống kê	
3.5	Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức kinh điển Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.		Số liệu thống kê	
3.6	Đề xuất thành công ít nhất 03 đề tài khoa học cấp trường trở lên.		Số liệu thống kê	Văn bản đề xuất, thuyết minh đề tài khoa học của khoa trình lãnh đạo trường và quyết định giao đề tài khoa học của cấp có thẩm quyền (cấp trường, cấp tỉnh, cấp bộ).
3.7	Người đứng đầu được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong 05 năm liên tục. Có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực quản lý và kinh nghiệm hoạt động thực tiễn.		Số liệu thống kê	Quyết định đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ, xếp loại đảng viên trong 05 năm liên tục của người đứng đầu.
4	Trưởng phòng, phó trưởng phòng			
4.1	Có trình độ chuyên môn từ thạc sĩ trở lên về khoa học chính trị, khoa học quản lý hoặc khoa học xã hội và nhân văn.		Số liệu thống kê	Bảng kê danh sách họ tên, ngạch, trình độ chuyên môn, trình độ lý luận chính trị, các văn bằng, chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, chứng chỉ phương pháp dạy học tích cực, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức kinh điển...
4.2	Trình độ Cao cấp Lý luận chính trị (hoặc tương đương).		Số liệu thống kê	
4.3	Giữ ngạch giảng viên chính (viên chức hạng II) hoặc tương đương trở lên.		Số liệu thống kê	

TT	Chỉ tiêu cụ thể (2)	Đánh giá đạt chuẩn (3)	Số liệu cụ thể (4)	Các minh chứng kèm theo (5)
(1)				<ul style="list-style-type: none"> - Bản sao các văn bản tốt nghiệp, chứng chỉ có chứng thực. - Quyết định nâng ngạch, bậc. - Văn bản đề xuất, thuyết minh, và quyết định phê duyệt đề án, kế hoạch, chương trình... của cơ quan có thẩm quyền - Báo cáo kết quả triển khai thực hiện đề tài, đề án, chương trình, kế hoạch.
4.4	Tham mưu xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả các đề án, kế hoạch, chương trình...		Số liệu thống kê, danh mục tên đề án, dự án	
4.5	Người đứng đầu có 05 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong 05 năm liên tục. Có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực và kinh nghiệm hoạt động thực tiễn.		Số liệu thống kê	Quyết định đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ, xếp loại đảng viên trong 05 năm liên tục của người đứng đầu.
5	Giảng viên			
5.1	Đội ngũ giảng viên (giảng viên cơ hữu và giảng viên kiêm nhiệm) chiếm tỉ lệ ít nhất 75% tổng số cán bộ, viên chức.		Số liệu thống kê	<ul style="list-style-type: none"> - Bảng kê danh sách họ tên, ngày tháng năm sinh, ngạch, trình độ chuyên môn, trình độ lý luận chính trị, các văn bằng, năm tuyển dụng, năm giữ ngạch, chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm hoặc chứng chỉ phương pháp dạy học tích cực, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức kinh điển. - Bản sao các văn bản tốt nghiệp, chứng chỉ có chứng thực. - Quyết định nâng ngạch, bậc.
5.2	Ít nhất 90% giảng viên có trình độ chuyên môn từ thạc sĩ trở lên phù hợp với chuyên môn giảng dạy.		Số liệu thống kê	
5.3	100% giảng viên dạy lý luận chính trị có trình độ lý luận trung cấp lý luận trở lên		Số liệu thống kê	
5.4	100% giảng viên sau 07 năm giảng dạy tại trường có trình độ có cao cấp lý luận (hoặc tương đương).		Số liệu thống kê	
5.5	100% giảng viên có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm hoặc chứng chỉ phương pháp dạy học tích cực hoặc đã có bằng tốt nghiệp đại học sư phạm.		Số liệu thống kê	
5.6	Ít nhất 80% giảng viên có chứng chỉ bồi dưỡng kinh điển Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.		Số liệu thống kê	
5.7	Ít nhất 60% giảng viên giữ ngạch giảng viên chính (viên chức hạng II) hoặc tương đương trở lên		Số liệu thống kê	Kế hoạch và kết quả thao giảng hằng năm.
5.8	100% giảng viên áp dụng hiệu quả phương pháp dạy học tích cực, tham gia thao giảng cấp khoa, cấp trường và đạt yêu cầu trở lên.		Số liệu thống kê	Quyết định đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của giảng viên hằng năm.
5.9	100% hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu thực tế theo quy định		Số liệu thống kê	Quyết định hoặc văn bản có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về đội ngũ giảng viên thành giảng.
5.10	Xây dựng đội ngũ thỉnh giảng theo quy định.		Số liệu thống kê	

TT	Chỉ tiêu cụ thể	Đánh giá đạt chuẩn	Số liệu cụ thể	Các minh chứng kèm theo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
III	Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng (Điều 8, Quy định 11-QĐ/TW)			
1	Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng được giao		Số liệu thống kê	<ul style="list-style-type: none"> - Danh mục các chương trình đào tạo, bồi dưỡng mà trường đã đảm nhận trong 05 năm. - Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
2	Thực hiện đúng, đủ các chương trình đào tạo, bồi dưỡng được cấp có thẩm quyền giao.		Số liệu thống kê	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch, chương trình giảng dạy và học tập các chương trình đào tạo, bồi dưỡng.
3	Tỷ lệ lớp Trung cấp lý luận chính trị tập trung tại trường với với hệ không tập trung ít nhất là 1/3 (1 lớp tập trung/3 lớp không tập trung).		Số liệu thống kê	<ul style="list-style-type: none"> - Bảng kê danh sách các quyết định mở lớp của luận chính trị kèm các quyết định mở lớp của từng lớp, ghi rõ hình thức mở lớp tập trung, không tập trung.
4	Thực hiện nghiêm quy chế quản lý đào tạo, bồi dưỡng và các quy định khác về đào tạo bồi dưỡng do cấp có thẩm quyền ban hành.		Số liệu thống kê	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo tổng kết chuyên môn hàng năm, đánh giá việc thực hiện quy chế quản lý đào tạo, bồi dưỡng và các quy định khác về đào tạo bồi dưỡng.
5	Thực hiện đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng về chương trình, học viên, giảng viên, cơ sở vật chất, khóa bồi dưỡng, hiệu quả sau đào tạo, bồi dưỡng. Kết quả đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng từ mức khá trở lên.		Số liệu thống kê	<ul style="list-style-type: none"> Kết quả đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng hàng năm.
IV	Hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn (Điều 9, Quy định 11-QĐ/TW)			
1	Mỗi năm thực hiện được ít nhất 03 đề tài khoa học cấp trường, được nghiệm thu ở mức đạt trở lên.		Số liệu thống kê, danh mục tên đề tài	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định giao đề tài, đề án, nhiệm vụ khoa học.
2	5 năm thực hiện được ít nhất 03 đề tài cấp tỉnh hoặc tương đương trở lên, được nghiệm thu ở mức đạt trở lên.		Số liệu thống kê, danh mục tên đề tài	<ul style="list-style-type: none"> - Biên bản nghiệm thu, thanh lý
3	Mỗi năm tổ chức được ít nhất 03 hội thảo khoa học hoặc tọa đàm khoa học cấp trường.		Số liệu thống kê, danh mục tên hội thảo, tọa đàm	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định, Kế hoạch tổ chức Hội thảo khoa học, tọa đàm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
4	5 năm tổ chức được ít nhất 03 hội thảo khoa học hoặc tọa đàm khoa học cấp tỉnh hoặc tương đương trở lên.		Số liệu thống kê, danh mục tên hội thảo, tọa đàm	<ul style="list-style-type: none"> - Biên bản hội thảo, tọa đàm. - Kỳ yếu (nếu có).
5	Kết quả nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn được chuyển giao cho các cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật.		Số liệu thống kê	<ul style="list-style-type: none"> Hợp đồng hoặc văn bản có xác nhận của cấp có thẩm quyền về việc chuyển giao kết quả nghiên cứu

TT	Chỉ tiêu cụ thể	Đánh giá đạt chuẩn	Số liệu cụ thể	Các minh chứng kèm theo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
6	Có Báo cáo kiến nghị, đề xuất tình ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương, các cơ quan Trung ương từ kết quả nghiên cứu đề tài, hội thảo khoa học cấp tỉnh trở lên.		Số liệu thống kê	Báo cáo kiến nghị, đề xuất lên cấp có thẩm quyền.
7	5 năm xuất bản được ít nhất 05 cuốn sách chuyên khảo, tham khảo hoặc kỹ yếu hội thảo khoa học phục vụ đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn (không kể tài liệu, giáo trình về đào tạo, bồi dưỡng).		Số liệu thống kê, Danh mục tên sách, nhà xuất bản	Bản chụp bìa sách, kỹ yếu, mục lục
8	Xuất bản được tạp chí hoặc bản tin "Thông tin Lý luận và thực tiễn" ít nhất 03 kỳ/năm. Tạp chí hoặc bản tin báo đảm nội dung, đúng quy định luật xuất bản.		Số liệu thống kê	- Quyết định cấp phép xuất bản bản tin. - Bìa, mục lục bản tin các số của 05 năm liên tục.
9	Xây dựng được trang thông tin điện tử của trường, báo đảm chất lượng, thông tin được cập nhật thường xuyên.		Số liệu thống kê	- Kế hoạch hoạt động và báo cáo kết quả hoạt động hằng năm của Trang thông tin điện tử nhà trường
V	Xây dựng văn hóa trường đảng, thực hiện kỷ luật, kỷ cương (Điều 10, Quy định 11-QĐ/TW)			
1	Xây dựng được tiêu chí văn hoá ứng xử trong nhà trường.		Số liệu thống kê	Quy định về tiêu chí văn hóa ứng xử do nhà trường ban hành
2	Thực hiện tốt việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.		Số liệu thống kê	- Kế hoạch, chương trình, kết quả, giấy khen, bằng khen của tập thể, cá nhân về việc triển khai phong trào học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh
3	100% cán bộ, viên chức, người lao động thực hiện ứng xử văn hóa trường đảng theo quy định.		Số liệu thống kê	- Kết quả thực hiện ứng xử văn hóa trường đảng
4	Tổ chức đảng, đoàn thể hoạt động hiệu quả và hằng năm được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.		Số liệu thống kê	Quyết định đánh giá, xếp loại tổ chức đảng, đoàn thể hằng năm
5	Hàng năm, trường được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.		Số liệu thống kê	Quyết định đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm của tập thể trường
6	Thực hiện tốt quy chế dân chủ trong nhà trường.		Số liệu thống kê	Báo cáo kết quả thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở hằng năm
7	Tham gia đầy đủ, tích cực các phong trào thi đua do cơ quan có thẩm quyền phát động.		Số liệu thống kê	Báo cáo tổng kết phong trào thi đua hằng năm, giấy khen, bằng khen, cờ thi đua... (nếu có)
8	Không có cán bộ, viên chức người lao động bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự		Số liệu thống kê	

TT	Chỉ tiêu cụ thể	Đánh giá đạt chuẩn	Số liệu cụ thể	Các minh chứng kèm theo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
VI	Cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật và tài chính (Điều 11, Quy định 11-QĐ/TW)			
1	Có đủ cơ sở vật chất và phương tiện kỹ thuật phục vụ việc dạy, học và nghiên cứu, đáp ứng yêu cầu đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn; bảo đảm tăng quy mô đào tạo tập trung.		Số liệu thống kê	- Danh mục cơ sở vật chất và thiết bị của nhà trường. - Danh mục các phương tiện kỹ thuật phục vụ việc giảng dạy và học tập, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn.
2	Tổng diện tích sử dụng (gồm diện tích phòng học, phòng làm việc, phòng họp, phòng hội thảo, phòng truyền thông, phòng khách, hội trường lớn, thư viện, nhà đa năng, nhà ăn, ký túc xá, khuôn viên cây xanh hoặc vườn hoa, đường giao thông nội bộ...) bảo đảm tối thiểu 20.000 m ²		Số liệu thống kê	Diện tích sử dụng của từng hạng mục công trình, có giấy phép xây dựng hoặc xác nhận của cơ quan có thẩm quyền chứng thực
3	Công tác lập kế hoạch tài chính, phân bổ, sử dụng và quản lý tài chính đúng quy định của pháp luật, công khai, minh bạch và hiệu quả, đáp ứng hoạt động của nhà trường.		Số liệu thống kê	Báo cáo tài chính hằng năm và các minh chứng kèm theo về mức độ công khai, minh bạch, hiệu quả theo quy định của Nhà nước.

HIỆU TRƯỞNG

Lưu ý:

- Cột (3): ghi đạt hoặc không đạt
- Cột (4): Số liệu về hiện trạng. Ví dụ: 10 quy định, 3/3 lãnh đạo trường là tiến sĩ; 5/6 lãnh đạo khoa có trình độ cao cấp, 85% giảng viên chính...
- Cột (5): Ghi tên các minh chứng kèm theo

Biểu số 2

Mẫu kết quả đánh giá các tiêu chí trường chính trị chuẩn mức 2

(ban hành kèm theo Hướng dẫn số 381 -HD/HVCTQG ngày 06 tháng 9 năm 2021 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh)

TỈNH ỦY/THÀNH ỦY
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ.....

* ngày ... tháng ... năm ...

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CÁC TIÊU CHÍ TRƯỜNG CHÍNH TRỊ CHUẨN MỨC 2

TT	Chỉ tiêu cụ thể	Đánh giá đạt chuẩn	Số liệu thống kê	Các minh chứng kèm theo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	Thể chế, quy định (Điều 6, Điều 12, Quy định 11-QĐ/TW)			
1	Có đầy đủ các quy chế, quy định cụ thể hóa văn bản của Trung ương, địa phương bảo đảm tính hệ thống, đồng bộ, kịp thời, khả thi, không trái với văn bản của cấp trên và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.		Danh mục tên quy định, quy chế...	Bản sao các quy chế, quy định do nhà trường ban hành
II	Đội ngũ cán bộ, viên chức (Điều 7, Điều 13, Quy định 11-QĐ/TW)			
1	Đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện đối với chức danh nghề nghiệp, vị trí việc làm theo quy định của Đảng và Nhà nước.		- Số biên chế được quy định - Số liệu biên chế thực tế (chi tiết đến từng khoa, phòng)	- Văn bản quy định của cấp có thẩm quyền về chỉ tiêu biên chế của trường. - Danh sách cán bộ của trường có trích ngang thông tin về chức vụ, ngạch viên chức, trình độ lý luận chính trị, trình độ chuyên môn, bằng cử nhân hoặc chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm hoặc chứng chỉ phương pháp dạy học tích cực, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức kinh điển
2	Lãnh đạo trường			
2.1	Trình độ chuyên môn tiến sĩ về khoa học chính trị, khoa học quản lý hoặc khoa học xã hội và nhân văn.		Số liệu thống kê	- Bảng kê danh sách họ tên, ngạch, trình độ chuyên môn, trình độ lý luận chính trị, các văn bằng, chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm hoặc chứng chỉ
2.2	Trình độ Cao cấp Lý luận chính trị (hoặc tương đương).		Số liệu thống kê	

TT	Chi tiêu cụ thể (2)	Đánh giá đạt chuẩn (3)	Số liệu thống kê (4)	Các minh chứng kèm theo (5)
(1)				
2.3	Giữ ngạch giảng viên cao cấp hoặc tương đương (hoặc có trình độ quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hạng I).		Số liệu thống kê	Phương pháp dạy học tích cực, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức kinh điển.
2.4	Có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm hoặc phương pháp dạy học tích cực hoặc bằng tốt nghiệp đại học sư phạm.		Số liệu thống kê	- Bản sao các văn bản tốt nghiệp, chứng chỉ có chứng thực. - Quyết định nâng ngạch, bậc.
2.5	Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức kinh điển Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.		Số liệu thống kê	Quyết định đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ, xếp loại đảng viên hàng năm trong 05 năm liên tục của người đứng đầu.
2.6	Người đứng đầu có 05 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong 05 năm liên tục. Có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực quản lý và kinh nghiệm hoạt động thực tiễn.		Số liệu thống kê	- Quyết định công nhận mô hình, điển hình có cấp có thẩm quyền.
2.7	Xây dựng được mô hình, điển hình trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn và các mặt công tác khác được tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương hoặc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Bộ Nội vụ công nhận.		Số liệu thống kê	- Báo cáo mô tả tên mô hình và kết quả nhân rộng
2.8	Có mô hình được nhân rộng trong cụm, khu vực hoặc trong cả nước.		Số liệu thống kê	
3	Trưởng khoa, phó trưởng khoa			
3.1	Có trình độ chuyên môn từ thạc sĩ trở lên về khoa học chính trị, khoa học quản lý hoặc khoa học xã hội và nhân văn, trong đó ít nhất 50% số lãnh đạo khoa có trình độ tiến sĩ về khoa học chính trị, khoa học quản lý hoặc khoa học xã hội và nhân văn.		Số liệu thống kê	- Bảng kê danh sách họ tên, ngạch, trình độ chuyên môn, trình độ lý luận chính trị, các văn bằng, chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm hoặc chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức kinh điển.
3.2	Trình độ Cao cấp Lý luận chính trị (hoặc tương đương)		Số liệu thống kê	Phương pháp dạy học tích cực, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức kinh điển.
3.3	Giữ ngạch giảng viên cao cấp hoặc tương đương (hoặc có trình độ quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hạng I).		Số liệu thống kê	- Bản sao các văn bản tốt nghiệp, chứng chỉ có chứng thực. - Quyết định nâng ngạch, bậc.
3.4	Có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm hoặc phương pháp dạy học tích cực hoặc bằng tốt nghiệp đại học sư phạm.		Số liệu thống kê	
3.5	Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức kinh điển Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.		Số liệu thống kê	
3.6	Đề xuất thành công ít nhất 03 đề tài khoa học cấp trường trở lên.		Số liệu thống kê, danh mục tên đề tài	Văn bản đề xuất, thuyết minh đề tài khoa học của khoa trình lãnh đạo trường và quyết định giao đề tài khoa học của cấp có thẩm quyền (cấp trường, cấp tỉnh, cấp bộ).
3.7	Chi đạo, đề xuất thành công ít nhất 01 đề tài khoa học cấp tỉnh trở lên			Văn bản đề xuất, thuyết minh đề tài khoa học của khoa trình lãnh đạo trường và quyết định giao đề tài khoa học của cấp có thẩm quyền (cấp tỉnh, cấp bộ).

TT	Chỉ tiêu cụ thể	Đánh giá đạt chuẩn	Số liệu thống kê	Các minh chứng kèm theo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
3.8	Người đứng đầu được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong 05 năm liên tục. Có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực quản lý và kinh nghiệm hoạt động thực tiễn		Số liệu thống kê	Quyết định đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ, xếp loại đảng viên trong 05 năm liên tục của người đứng đầu.
3.9	Chỉ đạo, điều hành khoa đảm nhận được các nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng theo chức năng, nhiệm vụ được lãnh đạo trường phân công, phân cấp.		Số liệu thống kê	- Báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng 05 năm liên tục của khoa, có xác nhận của trường.
3.10	Xây dựng được mô hình đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn và các mặt công tác được lãnh đạo trường hoặc cấp trên công nhận.		Số liệu thống kê	- Quyết định công nhận mô hình, điển hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt
4	Trưởng phòng, phó trưởng phòng			
4.1	Có trình độ chuyên môn từ thạc sĩ trở lên về khoa học chính trị, khoa học quản lý hoặc khoa học xã hội và nhân văn. Trong đó trưởng phòng hoặc phó trưởng phòng phụ trách nghiên cứu khoa học của phòng quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học có trình độ tiến sĩ về khoa học chính trị, khoa học quản lý hoặc khoa học xã hội và nhân văn.		Số liệu thống kê	Bảng kê danh sách họ tên, ngạch, trình độ chuyên môn, trình độ lý luận chính trị, các văn bằng, chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, chứng chỉ phương pháp dạy học tích cực, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức kinh điển....
4.2	Trình độ Cao cấp Lý luận chính trị (hoặc tương đương).		Số liệu thống kê	- Bản sao các văn bằng tốt nghiệp, chứng chỉ có chứng thực.
4.3	Giữ ngạch giảng viên chính hoặc tương đương (hoặc có trình độ quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp từ hạng II) trở lên. Trong đó, người đứng đầu giữ ngạch giảng viên cao cấp hoặc tương đương (hoặc có trình độ quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hạng I)		Số liệu thống kê	- Quyết định nâng ngạch, bậc.
4.4	Tham mưu xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả các đề án, kế hoạch, chương trình...		Số liệu thống kê, danh mục tên đề án, dự án	- Văn bản đề xuất, thuyết minh, và quyết định phê duyệt đề án, kế hoạch, chương trình... của cơ quan có thẩm quyền
4.5	Người đứng đầu có 05 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong 05 năm liên tục. Có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực và kinh nghiệm hoạt động thực tiễn.		Số liệu thống kê	- Báo cáo kết quả triển khai thực hiện đề tài, đề án, chương trình, kế hoạch.
4.6	Xây dựng được mô hình đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn và các mặt công tác được lãnh đạo trường hoặc cấp trên công nhận		Số liệu thống kê	Quyết định đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ, xếp loại đảng viên trong 05 năm liên tục của người đứng đầu.
				- Quyết định công nhận mô hình, điển hình được cấp có thẩm quyền công nhận.

TT	Chỉ tiêu cụ thể	Đánh giá đạt chuẩn	Số liệu thống kê	Các minh chứng kèm theo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
5	Giảng viên			
5.1	Đội ngũ giảng viên (cơ hữu và kiêm nhiệm) có tỉ lệ ít nhất 80% tổng số cán bộ, viên chức.		Số liệu thống kê	
5.2	100% giảng viên có trình độ chuyên môn từ thạc sĩ trở lên phù hợp với chuyên môn giảng dạy, trong đó mỗi khoa có ít nhất 01 tiến sĩ (không kể lãnh đạo khoa).		Số liệu thống kê	
5.3	100% giảng viên dạy lý luận chính trị có trình độ lý luận trung cấp cấp lý luận trở lên		Số liệu thống kê	
5.4	100% giảng viên sau 07 năm giảng dạy tại trường có trình độ có cao cấp lý luận (hoặc tương đương).		Số liệu thống kê	
5.5	100% giảng viên có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm hoặc chứng chỉ phương pháp dạy học tích cực hoặc đã có bằng tốt nghiệp đại học sư phạm.		Số liệu thống kê	
5.6	Ít nhất 80% giảng viên có chứng chỉ bồi dưỡng kinh điển Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh		Số liệu thống kê	
5.7	Giảng viên chính chiếm từ 80% trở lên trong tổng số giảng viên của trường, trong đó có ít nhất 01 giảng viên cao cấp		Số liệu thống kê	
5.8	100% giảng viên áp dụng hiệu quả phương pháp dạy học tích cực, tham gia thao giảng cấp khoa, cấp trường và đạt yêu cầu trở lên.		Số liệu thống kê	
5.9	100% hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu thực tế theo quy định.		Số liệu thống kê	
5.10	Xây dựng đội ngũ thỉnh giảng theo quy định.		Số liệu thống kê	
III	Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng (Điều 8, Điều 14 Quy định 11-QĐ/TW)			
1	Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng được giao.		Số liệu thống kê	- Danh mục các chương trình đào tạo, bồi dưỡng mà trường đã đảm nhận trong 05 năm. - Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hằng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
2	Thực hiện đúng, đủ các chương trình đào tạo, bồi dưỡng được cấp có thẩm quyền giao		Số liệu thống kê	- Kế hoạch, chương trình giảng dạy và học tập các chương trình đào tạo, bồi dưỡng.
3	Tỷ lệ lớp Trung cấp lý luận chính trị tập trung tại trường với hệ không tập trung ít nhất là 1/2 (1 lớp tập trung/2 lớp không tập trung).		Số liệu thống kê	- Bảng kê danh sách các lớp Trung cấp lý luận chính trị kèm các quyết định mở lớp của từng lớp, ghi rõ hình thức mở lớp tập trung, không tập trung.

TT	Chi tiêu cụ thể (2)	Đánh giá đạt chuẩn (3)	Số liệu thống kê (4)	Các minh chứng kèm theo (5)
(1)				
4	Thực hiện nghiên cứu chế quản lý đào tạo, bồi dưỡng và các quy định khác về đào tạo, bồi dưỡng do cấp có thẩm quyền ban hành		Số liệu thống kê	Báo cáo tổng kết chuyên môn hằng năm, đánh giá việc thực hiện quy chế quản lý đào tạo, bồi dưỡng và các quy định khác về đào tạo bồi dưỡng.
5	Thực hiện được việc đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng về chương trình, học viên, giảng viên, cơ sở vật chất, khóa bồi dưỡng, hiệu quả sau bồi dưỡng. Kết quả đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng từ mức tốt		Số liệu thống kê	Kết quả đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng hằng năm.
IV	Hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn (Điều 9, Điều 15 Quy định 11-QĐ/TW)			
1	Mỗi năm thực hiện được ít nhất 03 đề tài khoa học cấp trường, được nghiệm thu ở mức đạt trở lên.		Số liệu thống kê, danh mục tên đề tài	- Quyết định giao đề tài, nhiệm vụ khoa học.
2	5 năm thực hiện được ít nhất 05 đề tài cấp tỉnh hoặc tương đương trở lên, được nghiệm thu ở mức đạt trở lên.		Số liệu thống kê, danh mục tên đề tài	- Biên bản nghiệm thu, thanh lý
3	Mỗi năm tổ chức ít nhất 03 hội thảo khoa học hoặc tọa đàm khoa học cấp trường.		Số liệu thống kê, danh mục tên hội thảo, tọa đàm	- Kế hoạch tổ chức Hội thảo khoa học, tọa đàm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
4	5 năm tổ chức ít nhất 03 hội thảo khoa học hoặc tọa đàm khoa học từ cấp tỉnh hoặc tương đương trở lên.		Số liệu thống kê, danh mục tên hội thảo, tọa đàm	- Biên bản hội thảo, tọa đàm.
5	Tham mưu tổ chức ít nhất 01 cuộc hội thảo khoa học cấp bộ trở lên.		Số liệu thống kê, danh mục tên hội thảo, tọa đàm	- Bìa Kỷ yếu, danh mục tên bài tham luận (nếu có)
6	Kết quả nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn được chuyên gia cho các cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật.		Số liệu thống kê	Hợp đồng hoặc văn bản có xác nhận của cấp có thẩm quyền về việc chuyên gia kết quả nghiên cứu
7	Báo cáo kiến nghị từ kết quả nghiên cứu đề tài, hội thảo cấp tỉnh trở lên		Số liệu thống kê	Báo cáo đề xuất lên cấp có thẩm quyền.
8	Có Báo cáo kiến nghị, đề xuất tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương, các cơ quan Trung ương từ kết quả nghiên cứu đề tài, hội thảo khoa học cấp tỉnh trở lên.		Số liệu thống kê	Báo cáo đề xuất lên cấp có thẩm quyền.
	5 năm xuất bản được ít nhất 05 cuốn sách chuyên khảo, tham khảo hoặc kỷ yếu hội thảo khoa học phục vụ đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn (không kể tài liệu, giáo trình về đào tạo, bồi dưỡng).		Số liệu thống kê,	Danh mục tên sách, nhà xuất bản Bản chụp bìa sách, kỷ yếu, mục lục
9	Xuất bản được tạp chí, bản tin “Thông tin Lý luận và Thực tiễn” ít		Số liệu thống kê	- Quyết định cấp phép xuất bản bản tin.

TT	Chỉ tiêu cụ thể (2)	Đánh giá đạt chuẩn (3)	Số liệu thống kê (4)	Các minh chứng kèm theo (5)
(1)	nhất 04 kỳ/năm. Tệp chỉ hoặc bản tin báo đảm nội dung, đúng quy định luật xuất bản.			- Bia, mục lục bản tin các số của 05 năm liên tục.
10	Xây dựng được trang thông tin điện tử của trường, báo đảm chất lượng, thông tin được cập nhật thường xuyên, có kết nối với một số trang thông tin của tỉnh và Trung ương		Số liệu thống kê	- Kế hoạch hoạt động và báo cáo kết quả hoạt động hằng năm của Trang thông tin điện tử nhà trường
V	Xây dựng văn hóa trường đảng, thực hiện kỷ luật, kỷ cương (Điều 10, Điều 16, Quy định 11-QĐ/TW)			
1	Xây dựng tiêu chí văn hoá ứng xử trong nhà trường.		Số liệu thống kê	Quy định về tiêu chí văn hóa ứng xử do nhà trường ban hành
2	Có tập thể hoặc cá nhân tiêu biểu, xuất sắc được khen thưởng cấp tỉnh và tương đương trở lên trong thực hiện văn hóa công sở, văn hóa trường Đảng theo quy định		Số liệu thống kê	Bảng khen, giấy khen của các cấp có thẩm quyền cho các tập thể, cá nhân.
3	Thực hiện tốt việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.		Số liệu thống kê	- Kế hoạch, chương trình, kết quả, giấy khen, bằng khen của tập thể, cá nhân về việc triển khai phong trào học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh
4	100% cán bộ, viên chức, người lao động thực hiện ứng xử văn hóa trường đảng theo quy định.		Số liệu thống kê	Kết quả đăng ký, thực hiện ứng xử văn hóa trường đảng
5	Tổ chức đảng, đoàn thể hoạt động hiệu quả và hằng năm được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.		Số liệu thống kê	Quyết định đánh giá, phân loại tổ chức đảng, đoàn thể hằng năm
6	Hằng năm, trường được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trở lên.		Số liệu thống kê	Quyết định đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm của tập thể trường
7	Thực hiện tốt quy chế dân chủ trong nhà trường		Số liệu thống kê	Báo cáo kết quả thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở hằng năm
8	Tham gia có chất lượng, hiệu quả các phong trào thi đua.		Số liệu thống kê	Báo cáo tổng kết phong trào thi đua hằng năm, giấy khen, bằng khen, cờ thi đua... (nếu có)
9	Xây dựng được mô hình điển hình tiên tiến trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn được cơ quan có thẩm quyền công nhận.		Số liệu thống kê	Quyết định công nhận mô hình, điển hình của cấp có thẩm quyền
10	Không có cán bộ, viên chức người lao động bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự		Số liệu thống kê	
VI	Cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật và tài chính (Điều 11, Quy định 11-QĐ/TW)			
1	Có đủ cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật hiện đại, ứng dụng các		Số liệu thống kê	- Danh mục cơ sở vật chất và thiết bị của nhà

TT	Chỉ tiêu cụ thể	Đánh giá đạt chuẩn	Số liệu thống kê	Các minh chứng kèm theo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	công nghệ tiên tiến, phục vụ hiệu quả hoạt động quản lý, giảng dạy, học tập và nghiên cứu, bảo đảm tăng quy mô đào tạo tập trung			trường. - Danh mục các phương tiện kỹ thuật phục vụ việc giảng dạy và học tập, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn.
2	Tổng diện tích sử dụng (gồm diện tích phòng học, phòng làm việc, phòng họp, phòng hội thảo, phòng truyền thông, phòng khách, hội trường lớn, thư viện, nhà đa năng, nhà ăn, ký túc xá, khuôn viên cây xanh hoặc vườn hoa, đường giao thông nội bộ...) bảo đảm tối thiểu 30.000 m ²		Số liệu thống kê	- Diện tích sử dụng của từng hạng mục công trình, có giấy phép xây dựng hoặc xác nhận của cơ quan có thẩm quyền chứng thực. - Báo cáo tài chính hàng năm và các minh chứng kèm theo về mức độ công khai, minh bạch, hiệu quả theo quy định của Nhà nước.
3	Công tác lập kế hoạch tài chính, phân bổ, sử dụng và quản lý tài chính đúng quy định của pháp luật, công khai, minh bạch và hiệu quả, đáp ứng hoạt động của nhà trường.		Số liệu thống kê	

HIỆU TRƯỞNG

Lưu ý:

- Cột (3): ghi đạt hoặc không đạt

- Cột (4): Số liệu về hiện trạng. Ví dụ: 10 quy định, 3/3 lãnh đạo trường là tiến sĩ; 5/6 lãnh đạo khoa có trình độ cao cấp,

85% giảng viên chính...

- Cột (5): Ghi tên các minh chứng kèm theo